

Bản án số: 25/2025/HS-ST

Ngày: 14-01-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Hoài Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Huệ Tú

2. Bà Lê Thị Xuân Lang

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Phan Trung Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 14/01/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 1039/2024/TLST-HS, ngày 06/12/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 6898/2024/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 12 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Lê Xuân T, sinh năm 1968 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: đường M, phường N, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh; Tạm trú: đường M, ấp A, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Xuân C (chết) và bà Lê Thị A (chết); hoàn cảnh gia đình: Có vợ và 04 con (lớn nhất sinh năm 1990, nhỏ nhất sinh năm 2013); tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/01/2024 đến ngày 26/01/2024 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại (Có mặt).

2. Đỗ Phương T1, sinh năm 1987 tại Đồng Tháp; Thường trú: đường T, Phường U, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đỗ Công M và bà Nguyễn Thị L; hoàn cảnh gia đình: Có chồng và 03 con (lớn nhất sinh năm 2015, nhỏ nhất sinh năm 2017); tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/01/2024 đến ngày 26/01/2024 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại (Có mặt).

3. Lê Thị H, sinh năm 1970 tại Đồng Nai; Thường trú: Đường X, Phường Y, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh; Tạm trú: đường Z, phường Q, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: thợ may; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Đình N (chết) và bà Lê Thị H1 (chết); hoàn cảnh gia đình: Có chồng và 02 con (lớn sinh năm 1998, nhỏ sinh năm 1999); tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/01/2024 đến ngày 26/01/2024 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại (Có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Huỳnh Thị N1, sinh năm 1969

Cư trú: đường T, Phường E, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

2. Bà Huỳnh Thị N2, sinh năm 1959

Cư trú: đường T, Phường E, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

3. Bà Trần Thị Ngọc B, sinh năm 1975

Cư trú: đường T, Phường Y, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt)

4. Bà Nguyễn Thị Thùy L1, sinh năm 1965

Cư trú: đường T, Phường E, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

5. Bà Thái Thị Hồng L2, sinh năm 1969

Cư trú: đường T, Phường E, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

6. Bà Trần Thị Minh L3, sinh năm 1965

Cư trú: đường T, Phường F, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt)

7. Bà Vương Ngọc D, sinh năm 1974

Cư trú: đường T, Phường S, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt)

8. Bà Huỳnh Mỹ H2, sinh năm 1947

Cư trú: đường T, Phường U, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

9. Bà Vương Ngọc M1, sinh năm 1966

Cư trú: Đường S, Phường S, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

10. Ông Trần Ngọc Quang H3, sinh năm 1972

Cư trú: Đường G, Phường E, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ khoảng tháng 6/2023, Lê Xuân T, Đỗ Phương T, Lê Thị H thực hiện hoạt động cho vay nặng lãi tại khu vực Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong đó, Lê Xuân T là người bỏ vốn và quản lý hoạt động cho vay; H và T2 có nhiệm vụ tìm người vay, kiểm tra thông tin chỗ ở của người vay, nhắc nhở trả nợ và đi thu tiền.

Nhóm của T hoạt động cho vay với hình thức vay tiền góp và vay tiền đứng, thủ tục vay và cách tính lãi suất như nhau: Người vay liên hệ với nhóm của T để cung cấp giấy tờ gồm: Bản chính hoặc bản photo giấy Chứng minh nhân dân hoặc Căn cước công dân. Sau đó, T sẽ tìm hiểu thông tin của người vay, nếu chính xác, thì T sẽ cho vay tiền và làm giấy “Giấy vay tiền” giao cho T giữ.

Số tiền cho vay từ 3.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng, có 02 hình thức tính lãi suất như nhau:

+ Đối với vay tiền trả góp, lãi suất được tính 20%/24 ngày, phí làm hồ sơ từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng tùy vào số tiền vay. Tùy từng trường hợp, người vay phải trả lãi và gốc theo ngày và thỏa thuận góp bao nhiêu ngày, cụ thể: nếu vay 5.000.000 đồng thì tiền phí làm hồ sơ là 300.000 đồng, thỏa thuận góp 24 ngày thì mỗi ngày người vay phải góp cả gốc lẫn lãi là 250.000 đồng, góp liên tục trong vòng 24 ngày, tương đương số tiền 6.000.000 đồng là tất toán khoản vay.

+ Đối với vay tiền đứng, lãi suất được tính là 1,5%/ngày, người vay phải đóng tiền lãi theo ngày, khi nào trả xong tiền vay gốc thì không phải đóng lãi và xem như khoản vay đã tất toán.

Trước 19 giờ hàng ngày, người vay tiền phải đến nhà của T để đóng tiền hoặc T, T2 và H đến nơi ở của người vay để thu tiền. Ngoài ra, người vay tiền có thể chuyển tiền đến tài khoản ngân hàng ACB số 213916329 mang tên Lê Xuân T.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh đã xác minh ghi lại lời khai được 10 người vay tiền, cụ thể như sau:

1. Bà Huỳnh Thị N1 (sinh năm 1969; Nơi cư trú: đường T, Phường E, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh): Ngày 23/8/2023, Bà N1 vay tiền của T số tiền 5.000.000 đồng theo hình thức vay góp, góp 24 ngày. Đến thời điểm tháng 12/2023, Bà N1 tất toán 04 khoản vay, tiền gốc vay mỗi lần 5.000.000 đồng tiền lãi vay mỗi lần 1.000.000 đồng với lãi suất là 25%/tháng, tương đương 300%/năm. Số tiền thu lợi bất chính của T là 4.036.986 đồng.

2. Bà Huỳnh Thị N2 (sinh năm 1959; Nơi cư trú: đường T, Phường E, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh): Ngày 25/8/2023, Bà N2 vay của T số tiền 5.000.000 đồng theo hình thức vay góp, góp 24 ngày. Đến thời điểm tháng 12/2023, bà N2 đã tắt toán 03 khoản vay, tiền gốc vay mỗi lần 5.000.000 đồng, tiền lãi vay mỗi lần 1.000.000 đồng với lãi suất là 25%/tháng, tương đương 300%/năm. Số tiền thu lợi bất chính của T là 3.102.740 đồng.

3. Bà Trần Thị Ngọc B (sinh năm 1975; Nơi cư trú: đường T, Phường Y, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh): Ngày 28/9/2023, Bà B vay của T số tiền 5.000.000 đồng theo hình thức vay góp, góp 24 ngày. Từ ngày 28/9/2023 đến 08/12/2023, bà B đã vay của nhóm T 6 lần, mỗi lần 5.000.000 đồng và tắt toán 6.000.000 đồng, đã tắt toán được được 5 lần với lãi suất 25%/tháng, tương đương 300%/năm. Số tiền thu lợi bất chính của T là 4.971.233 đồng.

4. Bà Nguyễn Thị Thuỳ L1 (sinh năm 1965; Nơi cư trú: đường T, Phường E, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh): Từ ngày 22/8/2023, bà L1 đã vay tiền của T 03 lần, cụ thể như sau:

Lần 1: Vào ngày 22/8/2023, vay số tiền 10.000.000 đồng theo hình thức trả góp, mỗi ngày 500.000 đồng, góp 24 ngày với lãi suất 25%/tháng, tương đương 300%/năm. Bà L1 đóng được 10 ngày thì không có khả năng đóng tiền nên đã vay khoản 10.000.000 đồng mới để tắt toán khoản vay cũ. Số tiền thu lợi bất chính của T là 2.868.493 đồng.

Lần 2: Đầu tháng 9/2023, bà L1 vay của T số tiền 10.000.000 đồng hình thức vay góp để tắt toán khoản vay lần 1 và nhận được 2.000.000 đồng, góp 24 ngày, tuy nhiên bà L1 chỉ góp được 4 ngày tổng cộng 2.000.000 đồng (trong đó gồm: tiền gốc 1.666.667 đồng và tiền lãi 333.333 đồng) thì không còn khả năng góp tiếp nên đã nói với T chuyển khoản vay này thành vay đứng, gốc vay 10.000.000 đồng, trả mỗi ngày 150.000 đồng (lãi suất 1,5%/ngày, tương đương 540%/năm). Bà L1 đã trả tiền lãi hàng ngày đến hết tháng 11/2023, tổng cộng đã trả tiền lãi được 10.500.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính của T là 10.427.854 đồng.

Lần 3: Khoảng giữa tháng 9/2023, vay của T số tiền 10.000.000 đồng hình thức vay đứng, lãi suất 1,5%/ngày, tương đương 540%/năm, tiền phí 1.000.000 đồng. Bà L1 đã đóng tiền lãi được khoảng 60 ngày, tổng cộng được 9.000.000 đồng thì không có khả năng đóng nữa.

Tổng số tiền thu lợi bất chính 03 lần cho vay của T là 22.967.580 đồng.

5. Bà Thái Thị Hồng L2 (sinh năm 1969; Nơi cư trú: đường T, Phường E, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh): Vào ngày 22/8/2023, bà L2 vay của T số tiền 20.000.000 đồng theo hình thức vay đứng, tiền phí 400.000 đồng, lãi suất

2%/ngày, tương đương 720%/năm, mỗi ngày đóng tiền lãi 400.000 đồng, khi nào trả hết số tiền gốc vay thì tắt toán.

Từ khi vay tiền cho đến nay, bà L2 đóng tiền lãi khoảng được 100 ngày, tổng cộng tiền lãi là 40.000.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính của T là 39.504.110 đồng.

6. Bà Trần Thị Minh L3 (sinh năm 1965; Nơi cư trú: Đường G, Phường F, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh): Vào ngày 25/8/2023, bà L3 vay của T số tiền 5.000.000 đồng theo hình thức trả góp với lãi suất là 25%/tháng, tương đương 300%/năm, bà L3 đóng được 10 ngày thì không khả năng đóng tiền nữa, nên số tiền thu lợi bất chính của T là 1.234.247 đồng.

7. Bà Vương Ngọc D (sinh năm 1974; Nơi cư trú: Đường S, Phường S, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh): Từ ngày 15/6/2023, bà D đã vay tiền của T 03 lần, cụ thể như sau:

Lần 1: Vào ngày 15/6/2023, bà D vay của T số tiền 5.000.000 đồng theo hình thức vay đứng, tiền phí 500.000 đồng, với lãi suất là 1,5%/ngày, tương đương 540%/năm, mỗi ngày đóng tiền lãi 75.000 đồng, khi nào trả hết số tiền gốc vay thì tắt toán. Bà D đã đóng được 17 ngày tiền lãi, chưa trả tiền gốc. Số tiền thu lợi bất chính của T là 1.728.425 đồng.

Lần 2: Vào tháng 7/2023, bà D vay của T thêm số tiền 5.000.000 đồng theo hình thức vay đứng, tiền phí 500.000 đồng, lãi suất 1,5 %/ngày, tương đương 540%/năm. Cộng với khoản vay lần thì bà D nợ T 10.000.000 đồng, mỗi ngày đóng tiền lãi 150.000 đồng, khi nào trả hết số tiền gốc vay thì tắt toán. Bà D đã đóng được 30 ngày tiền lãi tổng cộng 4.500.000 đồng, chưa trả tiền gốc. Số tiền thu lợi bất chính của T là 4.835.616 đồng.

Lần 3: Vào tháng 8/2023, bà D vay thêm của T số tiền 3.000.000 đồng theo hình thức vay đứng, tiền phí 300.000 đồng, lãi suất 1,5%/ngày, tương đương 540%/năm. Cộng với các khoản vay cũ, bà D còn nợ 13.000.000 đồng, mỗi ngày đóng tiền lãi 195.000 đồng, khi nào trả hết số tiền gốc vay thì tắt toán. Bà D đã đóng được 45 ngày tiền lãi tổng cộng 8.775.000 đồng, chưa trả tiền gốc. Do đó, số tiền thu lợi bất chính của T là 8.754.452 đồng.

Đến giữa tháng 9/2023, bà D không còn khả năng đóng tiền lãi, nên đã nói với T chuyển qua góp cả gốc lẫn lãi cho T là 200.000 đồng/ngày đối với khoản nợ 13.000.000 đồng, đã góp được 30 ngày tổng cộng 6.000.000 đồng (trong đó tiền lãi 1.063.291 đồng) thì không có khả năng góp nữa. Do đó, số tiền thu lợi bất chính của T là 849.593 đồng.

Như vậy, tổng cộng số tiền thu lợi bất chính của T đối với các khoản vay của bà D là: 16.168.086 đồng.

8. Bà Huỳnh Mỹ H2 (sinh năm 1947; Nơi cư trú: đường T, Phường U, Quận V Thành phố Hồ Chí Minh): Từ ngày 25/8/2023, bà H2 đã vay tiền của T 03 lần, cụ thể như sau:

Lần 1: Vào ngày 25/8/2023, bà H2 vay của T số tiền 5.000.000 đồng theo hình thức trả góp với lãi suất là 25%/tháng, tương đương 300%/năm. Sau khi trừ tiền phí 300.000 đồng và thu trước tiền góp 02 ngày là 500.000 đồng thì bà H2 thực nhận còn 4.200.000 đồng.

Bà H2 trả góp được khoảng 10 ngày thì không còn khả năng trả góp nữa, nên đã nói với T vay tiếp số tiền 5.000.000 đồng để tất toán khoản vay cũ. Sau khi trừ số ngày chưa góp đủ của dây cũ là 12 ngày, tương đương 3.000.000 đồng, thì vay mới 5.000.000 đồng, T trừ số tiền còn góp thiếu và đưa bà H2 số tiền 2.000.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính của T là 1.234.247 đồng.

Lần 2: Bà H2 góp khoản vay mới được 02 ngày tổng cộng 500.000 đồng thì phải nhập viện, nên bà H2 đã nhờ người nhà trả hết số tiền 6.000.000 đồng cho T để tất toán khoản vay. Số tiền thu lợi bất chính của T là 1.428.767 đồng.

Như vậy, tổng công số tiền thu lợi bất chính của T là: 2.663.014 đồng.

9. Bà Vương Ngọc M1 (sinh năm 1966; Nơi cư trú: Đường S, Phường S, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh): Vào cuối tháng 11/2023, bà M1 vay của T số tiền 5.000.000 đồng theo hình thức vay góp với lãi suất là 25%/tháng, tương đương 300%/năm, tiền phí 250.000 đồng. Từ thời điểm tháng 11/2023 đến tháng 01/2024, bà M1 đã tất toán 04 khoản vay, tiền gốc vay mỗi lần 5.000.000 đồng, tiền lãi vay mỗi lần 1.000.000 đồng với lãi suất là 25%/tháng, tương đương 300%/năm. Như vậy, số tiền thu lợi bất chính của T là 3.986.986 đồng.

10. Ông Trần Ngọc Quang H3 (sinh năm 1972; Nơi cư trú: Đường G, Phường E, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh): Vào giữa tháng 10/2023, ông H3 vay của T số tiền 5.000.000 đồng theo hình thức vay góp với lãi suất là 25%/tháng, tương đương 300%/năm, tiền phí 300.000 đồng. Từ khoảng tháng 11/2023 cho đến nay, ông H3 đã vay của nhóm T 04 lần đã tất toán. Như vậy số tiền thu lợi bất chính của T là: $(934.247 \text{ đồng} \times 4) + 300.000 \text{ đồng} = 4.036.986 \text{ đồng}$.

Tổng cộng, đối với 10 người vay tiền trên, Lê Xuân T và đồng phạm đã thu lợi số tiền bất chính là 103.372.652 đồng.

Số tiền hưởng lợi bất chính của các bị can, cụ thể:

- Lê Xuân T hưởng lợi số tiền 66.372.652 đồng.
- Đỗ Phương T hưởng lợi số tiền 22.000.000 đồng.
- Lê Thị H hưởng lợi số tiền 15.000.000 đồng.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Lê Xuân T, Đỗ Phương T và Lê Thị H đã khai nhận hành vi phạm tội như trên.

Tại Bản cáo trạng số 336/CT-VKS-P2 ngày 06/6/2024, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Lê Xuân T, Đỗ Phương T, Lê Thị H về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo. Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích, đánh giá những chứng cứ xác định hành vi phạm tội, tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội, hậu quả gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Lê Xuân T từ 01 đến 02 năm tù về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Lê Thị H từ 01 đến 01 năm 06 tháng tù về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Đỗ Phương T từ 01 đến 01 năm 06 tháng tù về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Và xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, các bị cáo,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đánh giá hành vi, quyết định tố tụng:

Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Đánh giá hành vi của các bị cáo:

Căn cứ lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã được Cơ quan điều tra thu thập trong hồ sơ vụ án đã có cơ sở xác định:

Từ tháng 6/2023 đến tháng 01/2024, bị cáo Lê Xuân T, Đỗ Phương T và Lê Thị H đã cho 10 cá nhân vay tiền với lãi suất từ 300%/năm đến 720%/năm, vượt quá 05 lần mức lãi suất cao nhất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự là 20%/năm để thu lợi bất chính với tổng số tiền là 103.372.652 đồng. Trong đó, Lê Xuân T hưởng lợi số tiền 66.372.652 đồng, Đỗ Phương T hưởng lợi số tiền 22.000.000 đồng, Lê Thị H hưởng lợi số tiền 15.000.000 đồng.

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh truy tố các bị cáo Lê Xuân T, Đỗ Phương T, Lê Thị H về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự là có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo.

Các bị cáo là người đã thành niên, có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về hoạt động tín dụng, mà cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ mà còn xâm phạm đến lợi ích tài chính của công dân. Do vậy, cần có mức hình phạt phù hợp để giáo dục, răn đe đối với bị cáo.

Xét thấy trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo đã ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, là lao động chính trong gia đình, hoàn cảnh khó khăn, chưa có tiền án, tiền sự, hành vi phạm tội của các bị cáo mang tính chất đồng phạm giản đơn, tự phát, xét các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và xin áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền (Tòa án cũng ra Lệnh phong tỏa tài khoản của các bị cáo để đảm bảo thi hành án), nên áp dụng cho các bị cáo hình phạt chính là hình phạt tiền phù hợp cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục đối với các bị cáo vừa phòng ngừa chung cho xã hội.

Để đảm bảo thi hành án phạt tiền, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành các Lệnh phong tỏa tài khoản số 134/LTPTK ngày

13/01/2025 để phong tỏa tài khoản số 8844437359 của bị cáo Lê Xuân T tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV), Lệnh phong tỏa tài khoản số 135/LTPTK ngày 13/01/2025 để phong tỏa tài khoản số 8834437350 của bị cáo Đỗ Phương T tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) và Lệnh phong tỏa tài khoản số 136/LTPTK ngày 13/01/2025 để phong tỏa tài khoản số 8884437849 của bị cáo Lê Thị H tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV). Nay tiếp tục duy trì hiệu lực của các Lệnh phong tỏa tài khoản trên.

[4] Về trách nhiệm dân sự và tiền thu lợi bất chính:

Đối với số tiền thu lợi bất chính của các bị cáo là số tiền vượt quá mức lãi suất cao nhất của lãi suất quy định nên cần buộc các bị cáo nộp lại để trả cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, có một số người chưa tất toán xong khoản vay gốc cho T, đề nghị được cân trừ lãi vượt quá mà họ được nhận lại vào số tiền vay gốc mà họ chưa tất toán. Số tiền chênh lệch họ không có ý kiến gì. Những người đã tất toán khoản vay thì không yêu cầu nhận lại khoản tiền lãi vượt quá. Do đó, buộc bị cáo Lê Xuân T nộp lại 66.372.652 đồng, buộc bị cáo Đỗ Phương T nộp lại 22.000.000 đồng, buộc bị cáo Lê Thị H nộp lại 15.000.000 đồng để nộp ngân sách Nhà nước. Tổng số tiền là 103.372.652 đồng. Số tiền này được cân trừ vào số tiền thu lợi bất chính mà các bị cáo đã nộp lại là 103.373.000 đồng (Theo Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 04/5/2024).

Đối với số tiền gốc mà bị cáo T sử dụng để cho vay, đây là phương tiện phạm tội nên cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước. Số tiền đó được xác định như sau:

- Đối với khoản vay của bà Huỳnh Thị N1 sinh năm 1969: Cho vay 20 triệu đồng và đã tất toán xong, do đó buộc bị cáo T nộp lại 20 triệu đồng.
- Đối với khoản vay của bà Huỳnh Thị N2 sinh năm 1959: Cho vay 15 triệu đồng, đã tất toán xong, nên buộc cáo T cần nộp lại 15 triệu đồng.
- Đối với khoản vay của bà Trần Thị Ngọc B: Cho vay 30 triệu đồng và đã tất toán 25 triệu đồng, nên buộc bị cáo T cần nộp lại 25 triệu đồng.
- Đối với khoản vay của bà Nguyễn Thị Thùy L1: Cho vay 30 triệu đồng và đã cân trừ vào tiền lãi, buộc bị cáo T cần nộp lại 10 triệu đồng.
- Đối với khoản vay của bà Thái Thị Hồng L2: Cho vay 20 triệu đồng và chưa tất toán, cân trừ vào tiền lãi 20 triệu đồng do bà L2 đã trả lãi hơn 40 triệu đồng nhưng không yêu cầu nhận lại số tiền lãi vượt quá nên không buộc bị cáo T nộp lại.
- Đối với khoản vay của bà Trần Thị Minh L3: Cho vay 10 triệu đồng và chưa tất toán 5 triệu đồng, nên buộc bị cáo T nộp lại 5 triệu đồng.
- Đối với khoản vay của bà Vương Ngọc D: Cho vay 13 triệu đồng, cân trừ tiền lãi nên không buộc bị cáo T nộp lại.

- Đối với khoản vay của bà Huỳnh Mỹ H2: Cho vay 10 triệu, đã tất toán nên buộc bị cáo T nộp lại 10 triệu đồng.

- Đối với khoản vay của bà Vương Ngọc M1: Cho vay 25 triệu đồng, đã tất toán 20 triệu đồng, do đó buộc bị cáo T nộp lại 20 triệu đồng.

- Đối với khoản vay của ông Trần Ngọc Quang H3: Cho vay 25 triệu đồng, đã tất toán 20 triệu đồng nên buộc bị cáo T nộp lại 20 triệu đồng.

Tổng số tiền bị cáo T phải nộp lại số tiền 125 triệu đồng.

[5] Về xử lý vật chứng:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen (Imei:...641106/7, không kiểm tra đời máy do không có nguồn điện, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong), mã số DT1/507BB/2024, là điện thoại của bị cáo Lê Thị H, bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh (Imei:...30896, không kiểm tra đời máy do không có nguồn điện, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong), mã số DT2/507BB/2024 và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu xanh (bể lưng, Imei: ...195943/2, không kiểm tra đời máy do không có nguồn điện, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong), mã số DT3/507BB/2024, là điện thoại của bị cáo Lê Xuân T, bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu xanh (Imei: ...36552/2, không kiểm tra đời máy do không có nguồn điện, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong), mã số DT4/507BB/2024, là phương tiện phạm tội nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước, là điện thoại của bị cáo Đỗ Phương T, bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

[7] Về án phí:

Mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 35 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt: Bị cáo Lê Xuân T 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” để nộp ngân sách Nhà nước.

Thi hành một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Tiếp tục phong tỏa tài khoản số 8xxxxxxx của bị cáo Lê Xuân T tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) để đảm bảo thi hành án (Theo Lệnh phong tỏa tài khoản số 134/LTPTK ngày 13/01/2025 của Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh).

[2] Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 35 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt: Bị cáo Đỗ Phương T 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” để nộp ngân sách Nhà nước.

Thi hành một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Tiếp tục phong tỏa tài khoản số 88xxxxxxx của bị cáo Đỗ Phương T tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) để đảm bảo thi hành án (Theo Lệnh phong tỏa tài khoản số 135/LTPTK ngày 13/01/2025 của Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh).

[3] Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 35; Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt: Bị cáo Lê Thị H 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” để nộp ngân sách Nhà nước.

Thi hành một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Tiếp tục phong tỏa tài khoản số 888xxxxxxx của bị cáo Lê Thị H tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) để đảm bảo thi hành án (Theo Lệnh phong tỏa tài khoản số 135/LTPTK ngày 13/01/2025 của Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh).

[4] Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

* Buộc bị cáo Lê Xuân T phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền: 125.000.000 (một trăm hai mươi lăm triệu) đồng.

* Buộc bị cáo Lê Xuân T nộp lại 66.372.652 đồng, buộc bị cáo Đỗ Phương T nộp lại 22.000.000 đồng, buộc bị cáo Lê Thị H nộp lại 15.000.000 đồng để nộp ngân sách Nhà nước (tổng cộng là 103.372.652 đồng) được cân trừ vào số tiền 103.373.000 đồng mà các bị cáo đã nộp (Theo Giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 04/5/2024).

* Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen (Imei:...641106/7, không kiểm tra đời máy do không có nguồn điện, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong), mã số DT1/507BB/2024;

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh (Imei:...30896, không kiểm tra đời máy do không có nguồn điện, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong), mã số DT2/507BB/2024;

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu xanh (bể lưng, Imei: ...195943/2, không kiểm tra đời máy do không có nguồn điện, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong), mã số DT3/507BB/2024;

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu xanh (Imei: ...36552/2, không kiểm tra đời máy do không có nguồn điện, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong), mã số DT4/507BB/2024;

Theo Biên bản giao nhận tang tài vật số NK2024/507 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao; (1)
- TAND cấp cao tại Tp.HCM (1)
- VKSND cấp cao tại Tp.HCM (1)
- VKSND Tp.HCM; (3)
- Cục THA DS Tp.HCM; (1)
- Sở Tư pháp Tp.HCM; (1)
- Bị cáo; (3)
- Người có QLNVLQ; (10)
- THAHS TAND TP.HCM; (3)
- Phòng PV06 - CA TP.HCM; (1)
- Ủy ban nơi bị cáo cư trú; (3)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (34) (6)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Hoài Nam